

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HỒNG BÀNG**

BẢNG TỔNG HỢP
Kết quả lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố
trên địa bàn phường Hồng Bang năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số 346/BC-UBND ngày 21/6/2026 của UBND phường)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Tổng hộ gia đình	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào		Kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Đề án				Số lượng ý kiến tham gia đối với phương án sắp xếp			Số lượng ý kiến tham gia đối với tên gọi mới của thôn, tổ dân phố			Ghi chú (Số hộ KT2 đi không lấy được phiếu ý kiến)
				Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Đồng ý		Không đồng ý		Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	
						Tổng số (người)	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình	Tổng số người	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình							
A	B	l	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số	29731	25,541	25,541	0	25,404	85.50	137	0.46	25,541	99.46	0.54	25,541	99.46	0.54	3012
1	Lý Thường Kiệt	448	430	430	0	430	95.98	0	0.00	430	100.00	0.00	430	100.00	0.00	18
2	Hoàng Hoa Thám	405	383	383	0	383	94.57	0	0.00	383	100.00	0.00	383	100.00	0.00	22
3	Lãn Ông	351	258	258	0	258	73.50	0	0.00	258	100.00	0.00	258	100.00	0.00	93
4	Phạm Hồng Thái	472	278	278	0	277	58.69	1	0.21	278	99.64	0.36	278	99.64	0.36	189
5	Quang Trung	358	358	358	0	358	100.00	0	0.00	358	100.00	0.00	358	100.00	0.00	0
6	Phan Bội Châu	407	247	247	0	247	60.69	0	0.00	247	100.00	0.00	247	100.00	0.00	143
7	Quang Trung 1	601	403	403	0	400	66.56	3	0.50	403	99.26	0.74	403	99.26	0.74	187
8	Quang Trung 2	475	346	346	0	346	72.84	0	0.00	346	100.00	0.00	346	100.00	0.00	129
9	Quang Trung 3	649	486	486	0	486	74.88	0	0.00	486	100.00	0.00	486	100.00	0.00	127
10	Đình Tiên Hoàng	352	184	184	0	184	52.27	0	0.00	184	100.00	0.00	184	100.00	0.00	148
11	Trần Hưng Đạo	504	258	258	0	258	51.19	0	0.00	258	100.00	0.00	258	100.00	0.00	219
12	Hoàng Văn Thụ 1	637	335	335	0	335	52.59	0	0.00	335	100.00	0.00	335	100.00	0.00	263

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Tổng hộ gia đình	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào		Kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Đề án				Số lượng ý kiến tham gia đối với phương án sắp xếp			Số lượng ý kiến tham gia đối với tên gọi mới của thôn, tổ dân phố			Ghi chú (Số hộ KT2 đi không lấy được phiếu ý kiến)
				Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Đồng ý		Không đồng ý		Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	
						Tổng số (người)	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình	Tổng số người	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình							
13	Cù Chính Lan	406	406	406	0	406	100.00	0	0.00	406	100.00	0.00	406	100.00	0.00	0
14	Hoàng Văn Thụ 2	485	350	350	0	347	71.55	3	0.62	350	99.14	0.86	350	99.14	0.86	135
15	Lý Tự Trọng	351	199	199	0	199	56.70	0	0.00	199	100.00	0.00	199	100.00	0.00	126
16	Minh Khai	320	275	275	0	275	85.94	0	0.00	275	100.00	0.00	275	100.00	0.00	45
17	Phan Đình Phùng	243	212	212	0	212	87.24	0	0.00	212	100.00	0.00	212	100.00	0.00	31
18	Lạc Long	386	386	386	0	386	100.00	0	0.00	386	100.00	0.00	386	100.00	0.00	0
19	Bạch Đằng	388	351	351	0	347	89.43	4	1.03	351	98.86	1.14	351	98.86	1.14	37
20	Chương Dương	468	434	434	0	434	92.74	0	0.00	434	100.00	0.00	434	100.00	0.00	34
21	Hạ Lý	416	347	347	0	347	83.41	0	0.00	347	100.00	0.00	347	100.00	0.00	69
22	Thế Lữ	289	289	289	0	289	100.00	0	0.00	289	100.00	0.00	289	100.00	0.00	0
23	Tam Bạc	270	238	238	0	238	88.15	0	0.00	238	100.00	0.00	238	100.00	0.00	32
24	Phạm Phú Thứ	538	517	517	0	517	96.10	0	0.00	517	100.00	0.00	517	100.00	0.00	21
25	Cao Thắng	329	266	266	0	261	79.33	5	1.52	266	98.12	1.88	266	98.12	1.88	27
26	Phúc Long	554	552	552	0	530	95.67	22	3.97	552	96.01	3.99	552	96.01	3.99	
27	Tiền Đức	371	337	337	0	337	90.84	0	0.00	337	100.00	0.00	337	100.00	0.00	34
28	Cử Bình	414	365	365	0	365	88.16	0	0.00	365	100.00	0.00	365	100.00	0.00	49
29	Độc Tít	447	314	314	0	314	70.25	0	0.00	314	100.00	0.00	314	100.00	0.00	71
30	Tán Thuật	492	340	340	0	340	69.11	0	0.00	340	100.00	0.00	340	100.00	0.00	101
31	Núi Voi	304	276	276	0	271	89.14	5	1.64	276	98.19	1.81	276	98.19	1.81	23
32	Trại Sơn	363	343	343	0	343	94.49	0	0.00	343	100.00	0.00	343	100.00	0.00	20
33	Hàm Nghi	367	233	233	0	231	62.94	2	0.54	233	99.14	0.86	233	99.14	0.86	43
34	Đội Văn	351	318	318	0	318	90.60	0	0.00	318	100.00	0.00	318	100.00	0.00	33
35	Xi Măng 1	444	300	300	0	300	67.57	0	0.00	300	100.00	0.00	300	100.00	0.00	62
36	Xi Măng 2	371	329	329	0	326	87.87	3	0.81	329	99.09	0.91	329	99.09	0.91	27
37	Vạn Kiếp	361	361	361	0	361	100.00	0	0.00	361	100.00	0.00	361	100.00	0.00	

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Tổng hộ gia đình	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào		Kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Đề án				Số lượng ý kiến tham gia đối với phương án sắp xếp			Số lượng ý kiến tham gia đối với tên gọi mới của thôn, tổ dân phố			Ghi chú (Số hộ KT2 đi không lấy được phiếu ý kiến)
				Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Đồng ý		Không đồng ý		Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	
						Tổng số (người)	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình	Tổng số người	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình							
38	Chi Lăng	541	494	494	0	494	91.31	0	0.00	494	100.00	0.00	494	100.00	0.00	40
39	Đường Mới	405	397	397	0	397	98.02	0	0.00	397	100.00	0.00	397	100.00	0.00	8
40	Đình Hạ	426	359	359	0	359	84.27	0	0.00	359	100.00	0.00	359	100.00	0.00	67
41	Nguyễn Hồng Quân 1	348	348	348	0	348	100.00	0	0.00	348	100.00	0.00	348	100.00	0.00	
42	Nguyễn Hồng Quân 2	374	260	260	0	252	67.38	8	2.14	260	96.92	3.08	260	96.92	3.08	29
43	Tiến Bộ 1	406	406	406	0	406	100.00	0	0.00	406	100.00	0.00	406	100.00	0.00	
44	Tiến Bộ 2	380	335	335	0	335	88.16	0	0.00	335	100.00	0.00	335	100.00	0.00	42
45	Vinhomes số 1	510	508	508	0	483	94.71	25	4.90	508	95.08	4.92	508	95.08	4.92	
46	Vinhomes số 2	497	495	495	0	495	99.60	0	0.00	495	100.00	0.00	495	100.00	0.00	
47	Vinhomes số 3	327	295	295	0	295	90.21	0	0.00	295	100.00	0.00	295	100.00	0.00	
48	Đường 5	604	560	560	0	556	92.05	4	0.66	560	99.29	0.71	560	99.29	0.71	44
49	Kiến Thiết 1	238	220	220	0	219	92.02	1	0.42	220	99.55	0.45	220	99.55	0.45	
50	Kiến Thiết 2	450	450	450	0	446	99.11	4	0.89	450	99.11	0.89	450	99.11	0.89	
51	Đoàn Kết 1	310	310	310	0	310	100.00	0	0.00	310	100.00	0.00	310	100.00	0.00	
52	Đoàn Kết 2	287	287	287	0	281	97.91	6	2.09	287	97.91	2.09	287	97.91	2.09	
53	Đoàn Kết 3	338	335	335	0	331	97.93	4	1.18	335	98.81	1.19	335	98.81	1.19	
54	An Chân	604	595	595	0	591	97.85	4	0.66	595	99.33	0.67	595	99.33	0.67	
55	An Lạc	773	715	715	0	715	92.50	0	0.00	715	100.00	0.00	715	100.00	0.00	22
56	Tôn Đức Thắng	380	380	380	0	378	99.47	2	0.53	380	99.47	0.53	380	99.47	0.53	
57	Mặt Bằng	422	380	380	0	380	90.05	0	0.00	380	100.00	0.00	380	100.00	0.00	12
58	Quang Đám	1347	928	928	0	928	68.89	0	0.00	928	100.00	0.00	928	100.00	0.00	67
59	Đường 5/1	287	268	268	0	268	93.38	0	0.00	268	100.00	0.00	268	100.00	0.00	11
60	Đường 5/2	319	296	296	0	296	92.79	0	0.00	296	100.00	0.00	296	100.00	0.00	14
61	Đường 5/3	418	404	404	0	403	96.41	1	0.24	404	99.75	0.25	404	99.75	0.25	14
62	Cam Lộ 1	682	609	609	0	606	88.86	3	0.44	609	99.51	0.49	609	99.51	0.49	19

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Tổng hộ gia đình	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào		Kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Đề án				Số lượng ý kiến tham gia đối với phương án sắp xếp			Số lượng ý kiến tham gia đối với tên gọi mới của thôn, tổ dân phố			Ghi chú (Số hộ KT2 đi không lấy được phiếu ý kiến)
				Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Đồng ý		Không đồng ý		Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Tổng số (người)	Đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	
						Tổng số (người)	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình	Tổng số người	Tỷ lệ (%) so với tổng số hộ gia đình							
63	Cam Lộ 2	398	398	398	0	396	99.50	2	0.50	398	99.50	0.50	398	99.50	0.50	
64	Cam Lộ 3	431	411	411	0	411	95.36	0	0.00	411	100.00	0.00	411	100.00	0.00	20
65	Cam Lộ 4	238	238	238	0	238	100.00	0	0.00	238	100.00	0.00	238	100.00	0.00	
66	Cam Lộ 5	309	309	309	0	309	100.00	0	0.00	309	100.00	0.00	309	100.00	0.00	
67	Cam Lộ 6	284	284	284	0	284	100.00	0	0.00	284	100.00	0.00	284	100.00	0.00	
68	Quỳnh Cư 1	294	294	294	0	294	100.00	0	0.00	294	100.00	0.00	294	100.00	0.00	
69	Quỳnh Cư 2	354	354	354	0	354	100.00	0	0.00	354	100.00	0.00	354	100.00	0.00	
70	An Trì	363	315	315	0	290	79.89	25	6.89	315	92.06	7.94	315	92.06	7.94	45